

## BÁO CÁO

### **Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Quyết định ban hành quy định định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Thực hiện Văn bản số 719/UBND-CNN&XD ngày 22/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện quy trình xây dựng dự thảo Trờ trình và Quyết định của UBND tỉnh ban hành quy định định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo như sau:

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có các Văn bản: số 3815/SNNMT-CCTLPCTT ngày 17/4/2026; số 4339/SNNMT-CCTLPCTT ngày 28/4/2026 gửi các Sở: Nội vụ, Tài chính, Xây dựng, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan tham gia ý kiến nội dung dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành quy định định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; đồng thời, đăng tải xin ý kiến góp ý dự thảo trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

Kết quả lấy ý kiến và tiếp thu chỉnh sửa đến ngày 30/4/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nhận được 53/99 văn bản tham gia ý kiến của các Sở, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan tham gia ý kiến nội dung dự thảo Quyết định trên, trong đó có 48 đơn vị nhất trí hoàn toàn không tham gia ý kiến, 05 đơn vị có đóng góp ý kiến và đề nghị xem xét, nghiên cứu chỉnh sửa một số nội dung trong dự thảo và 45 địa phương không có ý kiến tham gia. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, giải trình các nội dung (*chi tiết có phụ lục giải trình kèm theo*) và chỉnh sửa, bổ sung tại bản dự thảo.

Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành quy định định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: Tư pháp, Nội vụ, Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Chi cục Thủy lợi;
- Lưu: VT, CCTLPCTT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Dương Văn Hào**

**PHỤ LỤC GIẢI TRÌNH QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT TRONG QUAN LÝ, KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*(Kèm theo Văn bản số: /BC-SNNMT ngày tháng 5 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

| STT | Tên đơn vị tham gia ý kiến | Ý kiến tham gia Dự thảo   | Theo Dự thảo | Giải trình, tiếp thu ý kiến  |
|-----|----------------------------|---|--------------|--|
| 1   | Sở Nội vụ                  | <p>- Đề nghị sửa “Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;” thành “Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;”.</p> <p>- Đề nghị sửa “Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;” thành “Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban</p> |              | <p>Tiếp thu ý kiến của Sở Nội vụ, cơ quan soạn thảo đã sửa trong dự thảo Quyết định, quy định như sau:</p> <p>- “Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;”</p> <p>- “Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;”</p> <p>- Tổng quỹ tiền lương kế hoạch để lập kế hoạch tổng chi tiền lương. Tiền lương của lao động quản lý, lao động trực tiếp sản xuất, lao động chuyên môn nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ được xác định theo</p> |

|   |              |  |  |   |
|---|--------------|--|--|---|
|   |              | <p>hành danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;”.</p> <p>Đề nghị sửa “...Nghị định số 248/2025/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước” thành “...Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước và Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện.”.</p> |  | <p>“Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước và Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;”.</p> |
| 2 | Sở Tài chính | <p>1. Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Quyết định đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, chỉnh sửa như sau: “2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý, khai thác công</p>  |  | <p>Tiếp thu ý kiến của Sở Tài chính, cơ quan soạn thảo đã chỉnh sửa, bổ sung trong dự thảo, cụ thể như sau:</p> <p>1. Sửa khoản 2 Điều 2 dự thảo Quyết định như sau: “2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên</p>  |

|  |  |   |   |
|--|--|---|---|
|  |  | <p>trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.”</p> <p>2. Để thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy định cụ thể nội dung: - Tại khoản 3 Điều 5 dự thảo Quyết định quy định: “3. Các định mức đề xuất ban hành ở trên chưa tính tới các mục chi không thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 115/2026/NĐ-CP bao gồm: a) Chi phí khấu hao ..... Trừ chi phí khấu hao (do tính theo quy định của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính) và chi phí sửa chữa định kỳ, sửa chữa lớn (lập dự án riêng) thì các khoản chi chưa tính trong bộ định mức không quá 10% tổng chi phí trong giá thành sản phẩm dịch vụ thủy lợi hàng năm. ....”. Bộ Tài chính đã có Thông tư hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao TSCĐ, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát các nội dung có liên quan để hướng dẫn cụ thể cách xác định chi phí khấu hao cho phù hợp để các cơ quan, đơn vị thống nhất trong quá trình thực hiện.</p> <p>- Tại điểm b khoản 4 Điều 5 dự thảo Quyết định quy định: “b) Phân bổ khoản chi chung cho các sản phẩm</p> | <p>quan hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp”.</p> <p>2. Tại khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 5 dự thảo Quy định:</p> <p>- Sửa khoản 3 Điều 5 như sau: “3. Các định mức tại quy định này chưa bao gồm các khoản mục chi không thường xuyên theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị định số 115/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ thì định mức không vượt quá 10% tổng chi phí trong giá thành sản phẩm dịch vụ thủy lợi hàng năm, bao gồm: Chi trả tạo nguồn nước (nếu có); Chi phí bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi (nếu có); Chi phí vớt rác, giải tỏa bèo rác, vật cản tại công trình thủy lợi (nếu có); Chi phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước (nếu có); Chi phí lập quy trình vận hành, quy trình bảo trì công trình thủy lợi đối với công trình thủy lợi đang khai thác nhưng chưa có quy trình vận hành, quy trình bảo trì (nếu có) theo quy định pháp luật; Chi</p> |
|--|--|---|---|

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  |  | <p>dịch vụ thủy lợi để tính giá theo tỷ lệ phân bổ được quy định cho từng khoản chi phí. Trong trường hợp khối lượng sản phẩm, dịch vụ có tỷ trọng lớn thay đổi quá 10% thì căn cứ vào khối lượng sản phẩm và doanh thu điều chỉnh để làm căn cứ phân bổ lại cho phù hợp với quy định.” Đề nghị cơ quan soạn thảo xây dựng quy định cụ thể về tỷ lệ phân bổ cho từng khoản chi phí; cách xác định trong trường hợp khối lượng sản phẩm, dịch vụ có tỷ trọng lớn thay đổi quá 10% để các cơ quan, đơn vị thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.</p> <p>3. Đối với các định mức tại Chương II dự thảo Quyết định, đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ các quy định hiện hành có liên quan để xây dựng đảm bảo đúng quy định.</p> | <p>phí cầm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo pháp luật về thủy lợi và các pháp luật khác có liên quan (nếu có); Chi phí lập, rà soát phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với công trình thủy lợi đang khai thác (nếu có) theo quy định pháp luật; Chi phí xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đối với đập, hồ chứa nước đang khai thác (nếu có) theo quy định pháp luật; Chi phí nộp quỹ phòng chống thiên tai thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp theo quy định tại Luật Phòng chống thiên tai (nếu có); Chi phí đặc thù khác được xác định là chi phí hợp lý, hợp lệ được tính vào giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).</p> <p>Đối với chi phí bảo trì (nếu có) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 2/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định về chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.</p> <p>Chi phí khấu hao tài sản cố định thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/05/2018 về việc hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ</p> |
|--|--|--|--|

|   |            |   |  |
|---|------------|---|--|
|   |            |   | <p>quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Thông tư số 24/2025/TT-BTC ngày 9/5/2025 về việc hướng dẫn việc tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung (nếu có)".</p> <p>- Sửa điểm b khoản 4 Điều 5 như sau: "b) Phân bổ khoản chi chung cho các sản phẩm dịch vụ thủy lợi để tính giá theo tỷ lệ doanh thu hoặc khối lượng sử dụng nước của mỗi sản phẩm dịch vụ thủy lợi của năm trước liền kề để phân bổ hoặc vận dụng tỷ lệ quy đổi quy định trong các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc kết hợp các phương pháp trên".</p> <p>3. Đã rà soát, đảm bảo đúng quy định.</p> |
| 3 | Sở Tư pháp | <p>- Đề nghị điều chỉnh thể thức, kỹ thuật trình bày các điểm tại Điều 6, Điều 11 dự thảo Quy định theo quy định tại gạch đầu dòng thứ 5 điểm b khoản 2 Phần III Mục 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn</p> | <p>Tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp, cơ quan soạn thảo đã sửa trong dự thảo quy định và dự thảo Tờ trình.</p>  |

|   |   |   |  |  |
|---|---|---|--|--|
|   |   | <p>bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>- Đề nghị trình bày Tờ trình theo Mẫu số 02 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.</p>  |  |  |
| 4 | Công ty TNHH MTV Quản lý, Khai thác công trình thủy lợi Bắc Kạn | <p>1. Đối với kết quả tính toán chi phí quản lý, vận hành, Công ty đề nghị đơn vị tư vấn xem xét bổ sung bảng tính chi phí đối với công trình Hồ chứa nước Nặm Cát (vận dụng theo định mức tại Quyết định số 26/2025/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 của UBND tỉnh Bắc Kạn cũ). Lý do: Hồ Nặm Cát là công trình đặc thù có dung tích lớn (<math>V=12*106 \text{ m}^3</math>) nhưng diện tích tưới nông nghiệp trực tiếp không lớn (22,59 ha). Nhiệm vụ trọng tâm của hồ mang tính đa mục tiêu như: giảm lũ; tạo cảnh quan môi trường, phát triển du lịch sinh thái, cấp và giữ nước cho rừng phòng hộ.... Trong bối cảnh tỉnh đang trong lộ trình xây dựng phương án giá cho các nhiệm vụ phi nông nghiệp, việc tách riêng bảng tính sẽ giúp làm rõ cơ sở chi phí thực tế, đảm bảo tính minh bạch và thuận lợi cho công tác quản lý, quyết toán ngân sách sau này.</p> <p>2. Để tăng cường tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh, Công ty kính đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, cân đối các chỉ số</p> |  | <p>Cơ quan soạn thảo giải trình như sau:</p> <p>1. Định mức Lao động đối với hồ chứa Nặm Cát đã quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 dự thảo Quy định và tại dự thảo quy định đã quy định kèm theo thuyết minh định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi, trong đó có đầy đủ các bảng tính toán định mức.</p> <p>2. Định mức kinh tế - kỹ thuật do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Thái Nguyên lập chỉ cập nhật định mức kinh tế - kỹ thuật của Công ty TNHH MTV Quản lý, khai thác công trình thủy lợi Bắc Kạn đã được UBND tỉnh Bắc Kạn (cũ) phê duyệt tại Quyết định số 26/2025/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 để đảm bảo tính thống nhất sau khi sáp nhập tỉnh Thái Nguyên.</p> |

|   |                     |   |  |   |
|---|---------------------|---|--|---|
|   |                     | <p>định mức khu vực phía Bắc tiệm cận với mặt bằng chung của khu vực phía Nam. Việc đưa các định mức về cùng một hệ quy chiếu không chỉ giúp tháo gỡ các vướng mắc kỹ thuật khi xây dựng phương án giá dịch vụ công ích, mà quan trọng hơn là đảm bảo sự công bằng, hài hòa về lợi ích giữa các đơn vị quản lý trên cùng một địa bàn tỉnh. Điều này sẽ tạo tâm lý phấn khởi, yên tâm công tác cho đội ngũ người lao động, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống thủy lợi chung của tỉnh nhà.</p> |  |   |
| 5 | UBND xã Thanh Thịnh | <p>Tại Điều 2 (Tổ chức thực hiện), dự thảo chưa quy định cụ thể trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Do đó, UBND xã đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định về trách nhiệm của UBND cấp xã để thuận lợi trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.</p>  |  | <p>Tiếp thu ý kiến của UBND xã Thanh Thịnh, cơ quan soạn thảo đã sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Quyết định và Quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa khoản 2 Điều 2 dự thảo Quyết định “2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp”.</li> </ul> |

|    |                          |                               |  |  |
|----|--------------------------|-------------------------------|--|--|
|    |                          |                               |  | <p>- Bổ sung Điều 15. Trách nhiệm thi hành và dự thảo Quy định.</p> <p>“1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ phối hợp với các Sở, ngành, UBND các xã, phường hướng dẫn các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện quy định này.</p> <p>2. Các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm thực hiện quy định này để quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo đúng quy định.</p> <p>3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các địa phương, đơn vị gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp”.</p> |
| 6  | Sở Xây dựng              | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 7  | Sở Khoa học và Công nghệ | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 8  | Công ty KTTK Thái Nguyên | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 9  | UBND xã Vĩnh Thông       | Đồng ý với nội dung dự thảo   |  |  |
| 10 | UBND xã Phúc Lộc         | Đồng ý với nội dung dự thảo   |  |  |
| 11 | UBND xã Cường Lợi        | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 12 | UBND xã La Hiên          | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 13 | UBND xã Phú Thịnh        | Đồng ý với nội dung dự thảo   |  |  |
| 14 | UBND P. Tích Lương       | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 15 | UBND xã Thanh Mai        | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |

|    |                     |                               |  |  |
|----|---------------------|-------------------------------|--|--|
| 16 | UBND xã Phú Lạc     | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 17 | UBND xã Hợp Thành   | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 18 | UBND xã Vô Tranh    | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 19 | UBND xã Hiệp Lực    | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 20 | UBND xã Định Hóa    | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 21 | UBND xã Phú Đình    | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 22 | UBND xã Trần Phú    | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 23 | UBND xã Nam Hòa     | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 24 | UBND xã Yên Thịnh   | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 25 | UBND xã Chợ Đồn     | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 26 | UBND xã Thần Sa     | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 27 | UBND xã Đức Lương   | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 28 | UBND xã Tràng Xá    | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 29 | UBND P. Trung Thành | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 30 | UBND xã Phú Bình    | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 32 | UBND xã Diềm Thụy   | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 33 | UBND xã Phú Lương   | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 34 | UBND xã Dân Tiến    | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
|    | UBND P. Bách Quang  | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 36 | UBND xã Cẩm Giàng   | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 37 | UBND xã Chợ Rã      | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |

|    |                         |                               |  |  |
|----|-------------------------|-------------------------------|--|--|
| 38 | UBND xã Đại Từ          | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 39 | UBND xã Cao Minh        | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 40 | UBND xã Phú Thông       | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 41 | UBND P. Gia Sàng        | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 42 | UBND P. Phở Yên         | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 43 | UBND xã Yên Bình        | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 44 | UBND xã Sảng Mộc        | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 45 | UBND P. Linh Sơn        | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 46 | UBND P. Phan Đình Phùng | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 47 | UBND xã Na Rì           | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 48 | UBND xã Thượng Quan     | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 49 | UBND xã Tân Kỳ          | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 50 | UBND xã Thượng Minh     | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 51 | UBND P. Quan Triều      | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 52 | UBND xã Bằng Thành      | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |
| 53 | UBND xã Quang Sơn       | Nhất trí với nội dung dự thảo |  |  |